|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN****PHƯỜNG ĐIỆN BIÊN** Số: /BTH-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ R NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do – Hạnh phúc** *Phường Điện Biên, ngày tháng 01 năm 2025* |

**BẢN TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU**

*(Kèm theo Báo cáo số /UBND-BC ngày / 12 /2024**của*

*UBND phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí, chỉ tiêu** | **Nội dung, cách tính điểm** | **Điểm số tối đa** | **Điểm số tự đánh giá** | **Tài liệu minh chứng** |
| **Tiêu chí 1** |  **Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn** | **10** | **10** |  |
| **Chỉ tiêu 1** | **Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao** *(Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật được tính 03 điểm)* | **3** | **3** | Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ được giao phường ban hành văn bản quy phạm pháp luật*.* |
|  | 1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạmpháp luật được giao trong năm đánh giá | 1 |  |
| a) Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật | 1 |
| b) Không ban hành từ 01 (một) văn bản quyphạm pháp luật trở lên | 0 |
| 2. Ban hành đúng quy định pháp luật các vănbản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá | 2 |
| a) Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật | 2 |
| b) Ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên trái pháp luật và bị cơ quan có thẩm quyền xử lý | 0 |
| **Chỉ tiêu 2** | **Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân** (sau đây gọi chung là văn bản hành chính)*Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản hành chính đã ban hành trong năm đánh giá) x 100* | **7** | **7** | -Trong năm UBND phường không có văn bản hành chính nào bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do nội dung trái pháp luật.**- Trong năm ban hành được 1874 văn bản hành chính** có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân đã ban hành trong năm đúng thẩm quyền, đúng thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do nội dung trái pháp luật. Tỷ lệ =100% |
| a) Đạt 100% | 7 | 7 |
| b) Từ 95% đến dưới 100% | 6 |  |
|  | c) Từ 90% đến dưới 95% | 5 |  |  |
| d) Từ 85% đến dưới 90% | 4 |
| đ) Từ 80% đến dưới 85% | 3 |
| e) Từ 75% đến dưới 80% | 2 |
| g) Từ 70% đến dưới 75% | 1 |
| h) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| i) Dưới 50% | 0 |
| **Tiêu chí 2** | **Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật** | **30** | **28** |  |
| **Chỉ tiêu 1** | **Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn** | **6** |  **6** | - Công khai, niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở UBND và trang thông tin điện tửcủaphường: <http://dienbien.tpthanhhoa.thanhhoa.gov.vn>- Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 ban hành quy chế nội bộ về cung cấp thông tin tại UBND phường- Quy chế dân chủ- Bản tổng hợp kết quả đánh giá của Tổ trưởng tổ dân phố và các đoàn thể về các hình thức, mô hình thông tin, PBGDPL ở cơ sở + TB ngày 12/01/2024 niêm yết QĐ công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách phường năm 2024;+ QĐ 427/QĐ-UBND ngày 15/08/2024 về công bố công khai quyết toán NS năm 2023 của UBND phường+ Công văn số 3825/UBND-TP ngày 23/09/2024: [+ Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, UBND cấp huyện và UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hoá](https://hscv11.thanhhoa.gov.vn/thanhpho/vbden.nsf/str/99E72FE285B4A7C047258BA100304F62?OpenDocument)+ Công văn số 9169/UBND-TP ngày 20/12/2024: [V/v công khai thực hiện thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ.](https://hscv11.thanhhoa.gov.vn/thanhpho/vbden.nsf/str/0A45DAD540138FA847258BF90037BD2A?OpenDocument) |
|  | 1. Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (sau đây gọi chung là Danh mục thông tin) theo đúng quy định pháp luật | 1 | 1 |
| a) Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai và thườngxuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật | 0,5 |   0,50,5 |
| b) Đăng tải Danh mục thông tin (xã, phường, thị trấn có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của chính quyền cấp xã (xã, phường, thị trấn chưa có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng hình thức phù hợp khác | 0,5 |
| 2. Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm*Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai**đúng thời hạn, thời điểm/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100* | 1,5 | 1,5 | * Các **thông tin đã được công khai đúng thời hạn, thời điểm:**

 *Tỷ lệ = 100%* |
| a) Đạt 100% | 1,5 | 1,5 |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| 3. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ *Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100* | 2 | 2 | **Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ***Tỷ lệ = 100%* |
| a) Đạt 100% | 2 | 2 |
|  | b) Từ 90% đến dưới 100% | 1,5 |  |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 |
| d) Từ 70 đến dưới 80% | 0,5 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| 4. Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật*Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai**đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100* | 1,5 |  1,5 | * Sổ theo dõi phát thanh hàng tuần

-Trang thông tin điện tử của phường : <http://dienbien.tpthanhhoa.thanhhoa.gov.vn>- Bảng niêm yết công khai danh mục TTHC, thông tin |
| a) Đạt 100% | 1,5 | 1,5 |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 |    |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| **Chỉ tiêu 2** | **Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin***(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung**cấp thông tin được tính 05 điểm)* | **5** | **5** | - Sổ theo dõi cung cấp thông tin- Phiếu cung cấp thông tin-Trong năm không có yêu cầu cungcấp thông tin |
|  | 1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn*Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn/Tổng số thông tin có yêu cầu**đủ điều kiện cung cấp) x 100* | 1,5 | 1,5 |
| a) Đạt 100% | 1,5 |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| 2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ*Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp**chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100* | 2 | 2 |  |
| a) Đạt 100% | 2 |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1,5 |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| 3. Hình thức cung cấp thông tin đúng quy | 1,5 | 1,5 |
|  | định pháp luật*Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100* |  |  | * Bảng niêm yết
* Sổ phát thanh
* Trang thông tin điện tử phường: <http://dienbien.tpthanhhoa.thanhhoa.gov.vn>
 |
| a) Đạt 100% | 1,5 | 1,5 |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| **Chỉ tiêu 3** | **Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật** | **8** | **8** | -KH số 22/KH-UBND ngày 22/02/2024 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn phường Điện Biên ;-KH số 23/KH-UBND ngày 2/02/2024 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn phường;BC số 179/BC-UBND ngày 12/11/2024 về công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn phường; -BC số 209/BC-UBND ngày 19/12/2024 công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024 trên địa bàn phường.- BC số 214/BC-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2024 về Công tác phổ biến GDPL, Hòa giải ở cơ sở; xây dựng phường đạt chuẩn tiếp cận PL năm 2024.\* Mở hội nghị tuyên truyền, PBGDPL:+Hội nghị tuyên truyền Luật khếu nại, Luật tố cáo, Luật dân chủ.+ Hội nghị tổ chức lấy ý kiến phương án đám bảo ANTT tại QTLS trong những ngày không tổ chức phố đi bộ+ Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng chống tội phạm và tệ nạn ma túy, số người tham dự 200 người.+Hội nghị tuyên truyền, phố biến các quy định về An toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh trên địa bàn phường+ Phối hợp với Trung tâm học tập cộng đồng mở lớp tập huấn: Phòng chống bạo lực gia đình và Luật dân chủ + Phối hợp với Đoàn thanh niên tuyên truyền cho viên tiêu biể những điểm mới của Luật thanh niên.* Trang thông tin điện tử phường: <http://dienbien.tpthanhhoa.thanhhoa.gov.vn>
* Cấp phát tài liệu, tờ rơi tuyên truyền
* Sổ phát thanh 3 buổi/tuần
 |
|  | 1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên | 2 | 2 |
| a) Ban hành Kế hoạch trong 05 (năm) ngày kểtừ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật | 2 |  |
| b) Ban hành Kế hoạch sau 05 (năm) ngày kểtừ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật | 1 |    |
| c) Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành Kế hoạch nhưng không đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên | 0 |
| 2. Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch (trừ nội dung của chỉ tiêu 5 của tiêu chí này):*Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x**100* | 4 | 4 | Trong năm đã ban hành tổng là số là 139 Kế hoạch. Tổng số 139 nhiệm vụ đã triển khai và hoàn thành. Tỷ lệ = 100% |
| a) Đạt 100% | 4 | 4 |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 |   |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| 3. Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên*Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã**triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số* | 2 | 2 | Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên |
|  | *nhiệm vụ, hoạt động phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên) x 100**(Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm)* |  | . |  |
| a) Đạt 100% | 2 | 2 |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1,5 |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| **Chỉ tiêu 4** | **Triển khai các hình thức, mô hình thông****tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở** | **5** | **5** | **Mô hình 1: Chi hội Cựu Công an nhân dân phối hợp với Công an phường tham gia phòng, ngừa đấu tranh với tội phạm, tệ nạn ma túy"** **Mô hình 2: *Cưới văn minh*****Mô hình 3:“Chuyển đổi số cộng đồng”** |
|  | a) Có từ 02 (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên | 5 | 5 |
|  | b) Có 01 (một) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả | 3 |  |
|  | c) Không có hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả | 0 |
| **Chỉ tiêu 5** | **Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật***Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp**luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật của cấp xã) x 100* | **3** | **3** | * Danh sách tuyên truyền viên pháp luật

-Tham gia các lớp tập huấn kiến thức do UBND thành phố và Sở tư pháp tổ chức* Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn
 |
|  | a) Đạt 100% | 3 | 3 |
|  | b) Từ 90% đến dưới 100% | 2 | . |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| **Chỉ tiêu 6** | **Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật** | **3** | **1** | * Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 về việc phê duyệt dự toán thu chi ngân sách phường năm 2024
* Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 của HĐND phường về việc phê chuẩn dự toán thu Ngân sách Nhà nước; thu, chi Ngân sách địa phương năm 2024 phường Điện Biên.
* Có danh sách cấp phát tài liệu
 |
|  | a) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này | 3 |  |
| b) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thựchiện từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này | 2 |  1 |
| c) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 80% đến dưới 90% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này | 1 |
| d) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thựchiện từ 70% đến dưới 80% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này | 0,5 |
| đ) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thựchiện từ 50% đến dưới 70% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này | 0,25 |
| e) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện dưới 50% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này | 0 |
| Tiêu chí 3 | Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý |  | **15** | **13** |  |
| **Chỉ tiêu 1** | **Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở** (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải) *(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc* *hòa giải được tính 07 điểm)* | **7** | **5** | - Có Sổ theo dõi, ghi chép hoạt động hòa giải ở cơ sở (08 Tổ hòa giải).- Biên bản hòa giải các vụ việc - Báo cáo của các Tổ trưởng tổ hòa giải về hoạt động hòa giải năm 2024- BC số 214/BC-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2024 về Công tác phổ biến GDPL, Hòa giải ở cơ sở; xây dựng phường đạt chuẩn tiếp cận PL năm 2024.- BC số 177/BC-UBND ngày 12/11/2024 về kết quả công tác tư pháp năm 2024- Danh sách nhận tài liệu hòa giải |
|  | 1. Các vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở*Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải đúng**quy định/Tổng số vụ, việc đã tiếp nhận) x 100* | 3,5 | 3,5 |
| a) Đạt 100% | 3,5 | 3,5 |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 2,5 |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1,5 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
|  | e) Dưới 50% | 0 |  |  |
| 2. Các vụ, việc hòa giải thành*Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa**giải) x 100* | 3,5 |  | * Trong năm 2024 có 05 vụ phát sinh việc hòa giải cơ sở đã được hòa giải thành 04 vụ, không thành 1 vụ.
* Tỷ lệ đạt 80%
 |
| a) Đạt 100% | 3,5 |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 2,5 | 1,5  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1,5 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| **Chỉ tiêu 2** | **Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở****cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở** | **4** | **4** |  |
|  | 1. Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định | 1 | 1 | * Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 28/12/2024 về việc chi hỗ trợ kinh phí cho các Tổ hòa giải năm 2024
* Danh sách nhận hỗ trợ kinh phí của các Tổ hòa giải
 |
| 2. Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền *Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn) x 100* | 1,5 | 1.5 |
| a) Đạt 100% | 1,5 |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| 3. Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền*Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc**hòa giải đã giải quyết) x 100* | 1,5 | 1.5 |
| a) Đạt 100% | 1,5 |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1 |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 0,75 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| **Chỉ tiêu 3** | **Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý** | **4** | **4** |  |
|  | **theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý***Tỷ lệ % = (Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý/Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ, việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định) x 100**(Trong năm không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng**được tính 04 điểm)* |  | . | * Trong năm không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng.
* Có danh sách những người thuộc diện trợ giúp pháp lý
 |
|  | a) Đạt 100% | 4 |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| Tiêu chí 4 | Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn |  | **20** | **18** |  |
| **Chỉ tiêu 1** | **Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức****chính quyền địa phương** | **3** | **3** | -Tổ chức hội nghị đối thoại, giấy mời, Biên bản hội nghị ngày 20/6/2024-Tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri, giấy mời, Biên bản hội nghị ngày 20/6/2024-Tổ chức hội nghị đối thoại, giấy mời, Biên bản hội nghị ngày 11/12/2024-Tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri, giấy mời, Biên bản hội nghị ngày 11/12/2024- BC số 94/BC-UBND ngày 10/07/2024 trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri.-BC số 197/BC-UBND ngày 28/11/2024 về giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri* Phát tin bài trên hệ thống loa truyền thanh toàn phường
 |
|  | 1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân | 2 |  |
| a) Có tổ chức hội nghị | 2 |
| b) Không tổ chức hội nghị | 0 |
| 2. Thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị theo đúng quy định pháp luật | 1 |
| a) Thông báo đúng thời hạn, đúng hình thức | 1 |
| b) Không thông báo hoặc có thông báo nhưng không đúng thời hạn hoặc không đúng hình thức | 0 |
| **Chỉ tiêu 2** | **Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn***Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để**Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp) x 100* | **4** | **4** | - BC số 143/BC-UBND ngày 17/10/2024 về kết quả thực hiện Quy chế dân chủ cơ năm 2024.- Công văn số 516/UBND-VP ngày 01/10/2024 về thống nhất xây dựng mô hình “Chi hội Cựu Công an nhân dân phối hợp với Công an phường tham gia phòng, ngừa đấu tranh với tội phạm, tệ nạn ma túy"”;  |
|  | a) Đạt 100% | 4 |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| **Chỉ tiêu 3** | **Tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn** *Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, biểu quyết đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân**bàn, biểu quyết) x 100* | **4** | **4** | - Tổ chức hội nghị ra mắt mô hình Chi hội Cựu Công an nhân dân phối hợp với Công an phường tham gia phòng, ngừa đấu tranh với tội phạm, tệ nạn ma túy" (thông qua hội nghị vận động các hộ dân tham gia)-Phát trên loa truyền thanh toàn phường. |
|  | a) Đạt 100% | 4 |  |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% |  0 |
| **Chỉ tiêu 4** | **Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn** *Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến đúng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu, thông báo việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dântheo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến) x 100* | **4** | **4** | * Kế hoạch số 70 ngày 27/05/2024 về tổ chức lấy ý kiến cử tri nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa

+Tổ chức hội nghị, giấy mời, Biên bản hội nghị lấy ý kiến nhân dân về phương án đám bảo ANTT tại QTLS trong những ngày không tổ chức phố đi bộ+Tổ chức hội nghị, giấy mời, Biên bản hội nghị lấy ý kiến nhân dân về nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa+Báo cáo số 71/BC-UBND ngày 03/06/2024 về kết quả lấy ý kiến Nhân dân về việc nhập huyện Đông Sơn vào thành phố Thanh Hóa.+ Báo cáo số 283/BC-UBND ngày 10/06/2024 về phương án đám bảo ANTT tại QTLS trong những ngày không tổ chức phố đi bộ+ Phiếu lấy ý kiến của tổ chức, cá nhân.* Báo cáo số 183/BC-UBND ngày 252/04/2024 V/v báo cáo tình hình tư tưởng Nhân dân về thực hiện dự án phố đi bộ Phan Chu Trinh và không gian văn hóa Quảng trường Lam Sơn
 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
|  | a) Đạt 100% | 4 | 4 |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 3 |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 2 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 1 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| **Chỉ tiêu 5** | **Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn** | **5** | **3** | **1-**Kế hoạch số 07/KH-HĐND ngày 07/3/2024 về giám sát công tác tổ chức hoạt động ăn bán trú tại 02 trường Tiểu học Điện Biên1 và Tiểu học Điện Biên 2.**2-** Kế hoạch số 13/KH-HĐND ngày 22/4/2024 giám sát về công tác thu chi các khoản trong năm học 2022-2023 của các nhà trường trên địa bàn phường**3.** Kế hoạch sô 33/KH-HĐND ngày 06/08/2024 Giám sát cuộc vận động hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn theo Chỉ thị số 22 của Ban thường vụ Tỉnh ủy tại một số tổ dân phố**4.** Kế hoạch số 54/KH-HĐND ngày 14/11/2024 giám sát về công tác triển khai thực hiện Phương án số 10 của UBND phường (Khai thác tài sản, kết cấu hạ tầng giao thông để thu phí sử dụng tạm thời lòng đường vỉa hè đối với một số tuyến phố trên địa bàn) và thu phí vỉa hè trên địa bàn phường năm 2024 -TB số 10/TB-HĐND ngày 15/4/2024 kết quả giám sát về thực hiện công tác tổ chức hoạt động ăn bán trú tại 02 trường Tiểu học Điện Biên1 và Tiểu học Điện Biên 2-TB số 13/TB-HĐND ngày 22/4/2024 kết quả giám sát về thực hiện công tácthu chi các khoản trong năm học 2022-2023 của các nhà trường trên địa bàn phường -TB số 42/TB-HĐND ngày 28/8/2024 kết quả giám sát về cuộc vận động hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở trên địa bàn theo Chỉ thị số 22 của Ban thường vụ Tỉnh ủy tại một số tổ dân phố-TB số 57/TB-HĐND ngày 06/12/2024 kết quả giám sát về công tác triển khai thực hiện Phương án số 10 của UBND phường (Khai thác tài sản, kết cấu hạ tầng giao thông để thu phí sử dụng tạm thời lòng đường vỉa hè đối với một số tuyến phố trên địa bàn) và thu phí vỉa hè trên địa bàn phường năm 2024 |
|  | 1. Các nội dung để Nhân dân giám sát | 4 | 21 |
| a) Tổ chức giám sát từ 04 (bốn) nội dung trởlên | 4 |
| b) Tổ chức giám sát 03 (ba) nội dung | 3 |
| c) Tổ chức giám sát 02 (hai) nội dung | 2 |
| d) Tổ chức giám sát 01 (một) nội dung | 1 |
| đ) Không tổ chức giám sát | 0 |
| 2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng | 1 |
| **Tiêu chí 5** | **Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội** |  25 |  **25** |  |
| **Chỉ tiêu 1** | **Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp****công dân, khiếu nại, tố cáo** | **7** | **7** | * Có Lịch tiếp công dân
* Có nội quy tiếp công dân
* Có phòng tiếp dân đảm bảo, đúng quy định của pháp luật
* Có sổ nhật ký tiếp công dân
* Thông báo lịch tiếp dân số 140/TB-UBND ngày 27/12/2023 của đ/c Chủ tịch UBND phường
 |
|  | 1. Tổ chức tiếp công dân | 3 | 3 |
| a) Có nội quy tiếp công dân | 0,5 |  |
| b) Bố trí địa điểm, các điều kiện cần thiết, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại trụ sở | 0,5 |
| c) Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có) | 1 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | d) Phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân | 1 | 2 | * - Có sổ đăng ký, theo dõi đơn thư khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh.
* - Có biên bản giải quyết đơn (biên bản hòa giải vụ việc)
* - Có Văn bản trả lời, hướng dẫn; Thông báo kết quả giải quyết đơn thư
 |
| 2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh *Tỷ lệ % = (Tổng số kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100**(Trong năm đánh giá không có kiến nghị,**phản ánh được tính 02 điểm)* | 2 |
| a) Đạt 100% | 2 |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1,5 |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 |  |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |  |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| 3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo*Tỷ lệ %= (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100**(Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố**cáo được tính 02 điểm)* | 2 | 2 |
| a) Đạt 100% | 2 | 2 |
| b) Từ 90% đến dưới 100% | 1,5 |  |
| c) Từ 80% đến dưới 90% | 1 |
| d) Từ 70% đến dưới 80% | 0,5 |
| đ) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |
| e) Dưới 50% | 0 |
| **Chỉ tiêu 2** | **Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính***Tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật/Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100* | **7** | **7** | * - Có sổ theo dõi việc giải quyết thủ tục hành chính; Hệ thống thông tin một cửa điện tử của phường.
* -QĐ số:01/QĐ UBND ngày 03/01/2024 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ trục hành chính năm 2024;
* -KH số 03/KH-UBND ngày 12/01/2024 về Cải cách hành chính năm 2024;
* -BC số 206/BC-UBND ngày 15/12/2024 về kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2024;
* -BC số 152/BC-UBND ngày 04/11/2024 về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024
 |
|  | a) Đạt 100% | 7 | 7 |
| b) Từ 95% đến dưới 100% | 6 |  |
| c) Từ 90% đến dưới 95% | 5 |
| d) Từ 85% đến dưới 90% | 4 |
| đ) Từ 80% đến dưới 85% | 3 |
| e) Từ 75% đến dưới 80% | 2 |
| g) Từ 70% đến dưới 75% | 1 |  |
|  | h) Từ 50% đến dưới 70% | 0,25 |  |  |
| i) Dưới 50% | 0 |
| **Chỉ tiêu 3** | **Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ****luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự** | **5** | **5** | * Trong năm không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
* -BC số 76/BC-UBND kết quả thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính quý 2 năm 2024
* -BC số 126/BC-UBND kết quả thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính quý 3 năm 2024
 |
|  | a) Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷluật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự | 5 | 5 |
| b) Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự | 0 |  |
| **Chỉ tiêu 4** | **Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an****ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội** | **6** | **6** | - QĐ số 9375/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND thành phố Thanh Hóa về việc công nhận xã, phường, cơ quan, doanh nghiệp, cở sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2024. |
|  | a) Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” | 6 | 6 |
| b) Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh,trật tự” | 0 |  |
|  **TỔNG CỘNG:** | **100** | **94** |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **KT.CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Lê Thị Hằng** |  **NGƯỜI TỔNG HỢP** **CC TƯ PHÁP – HỘ TỊCH** **Vương Thị Điểm** |